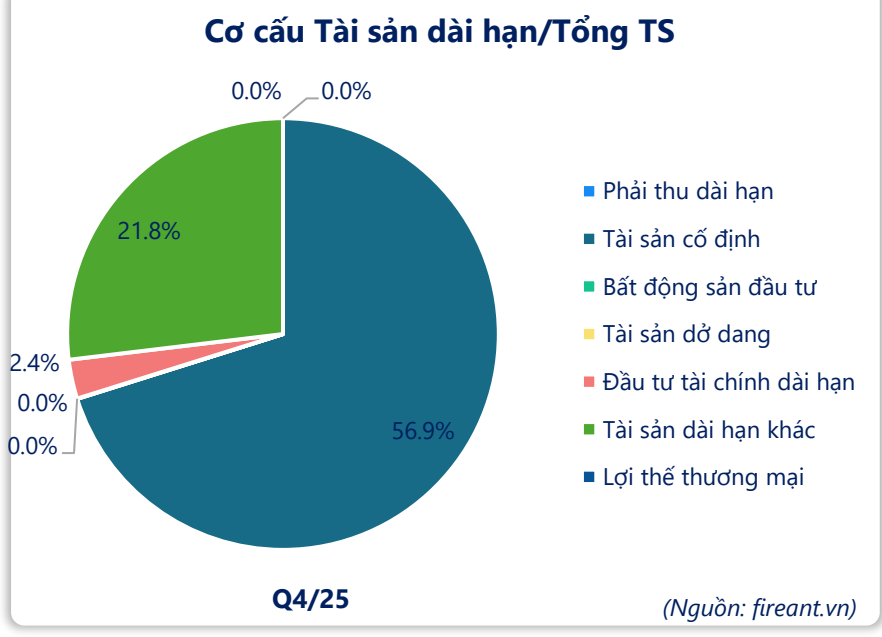
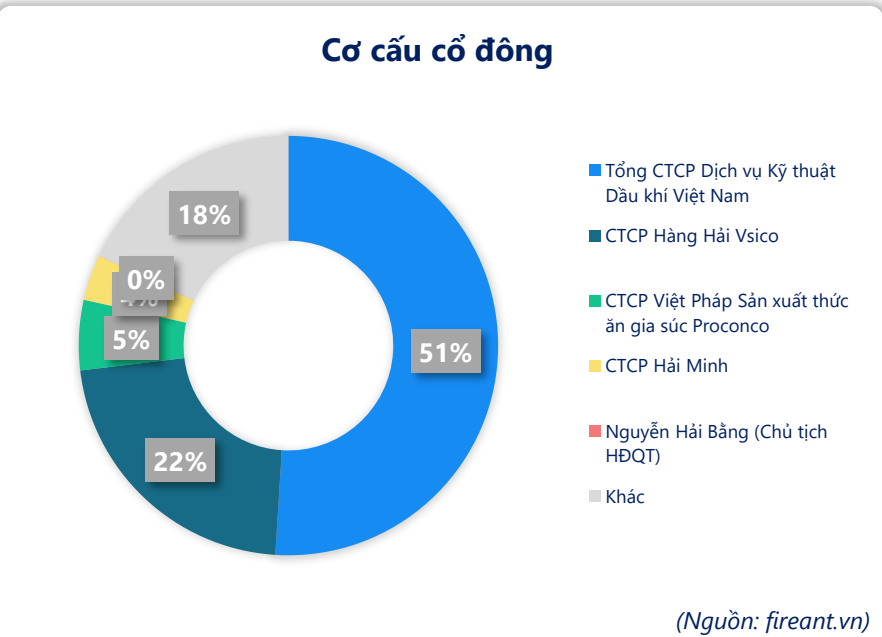
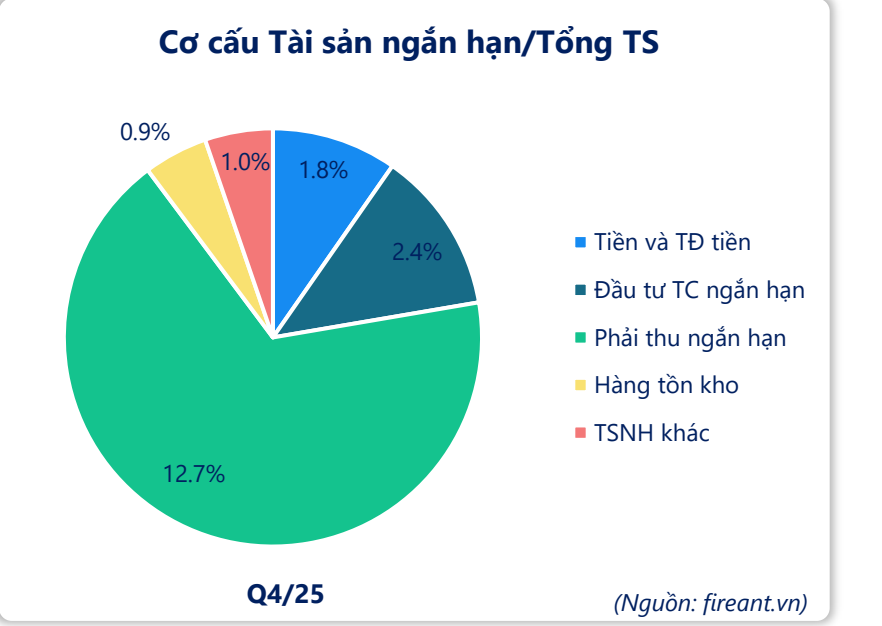
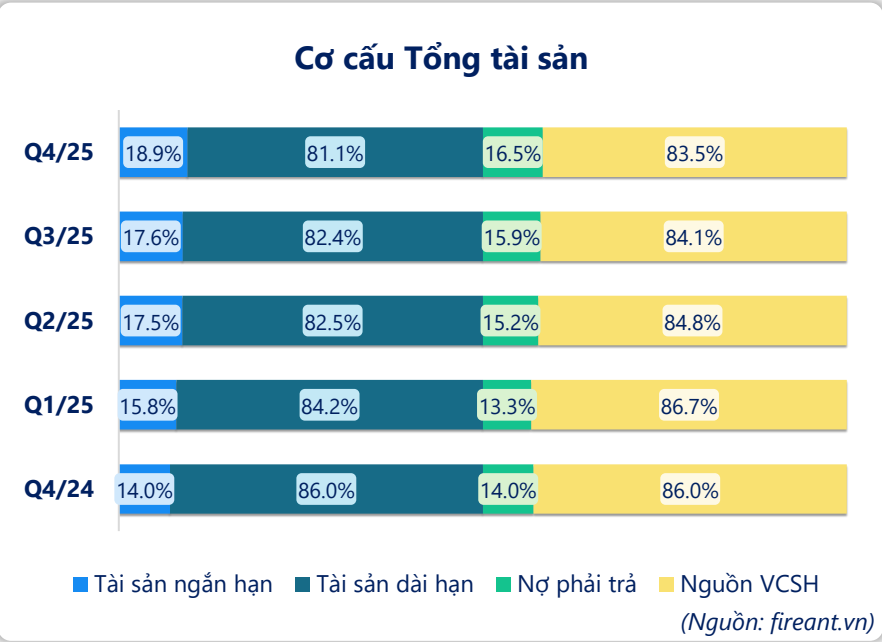
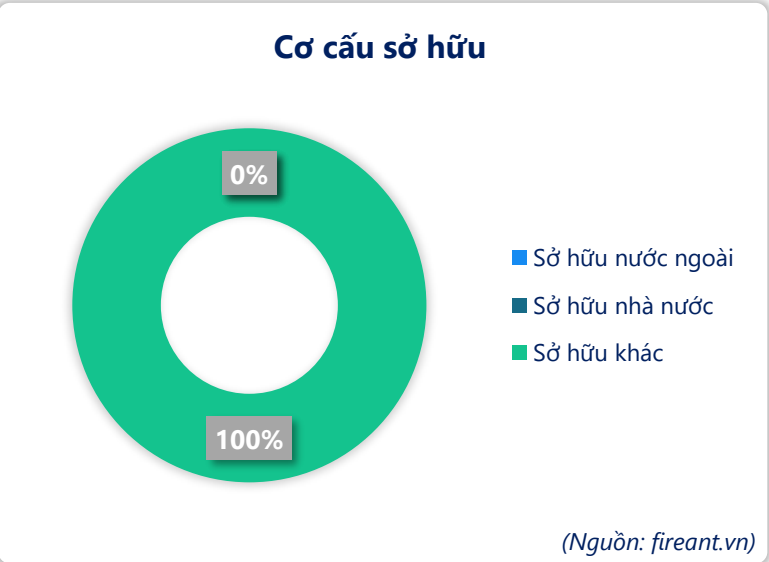
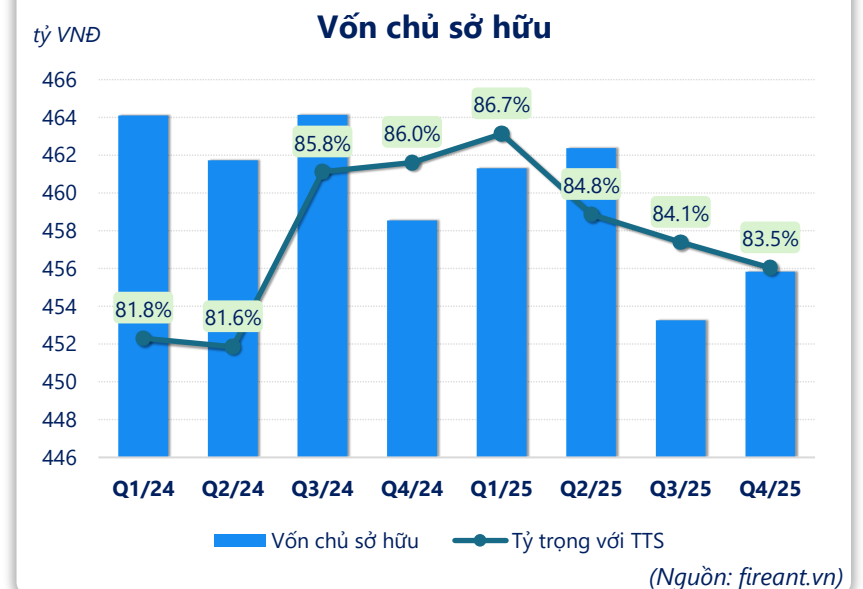
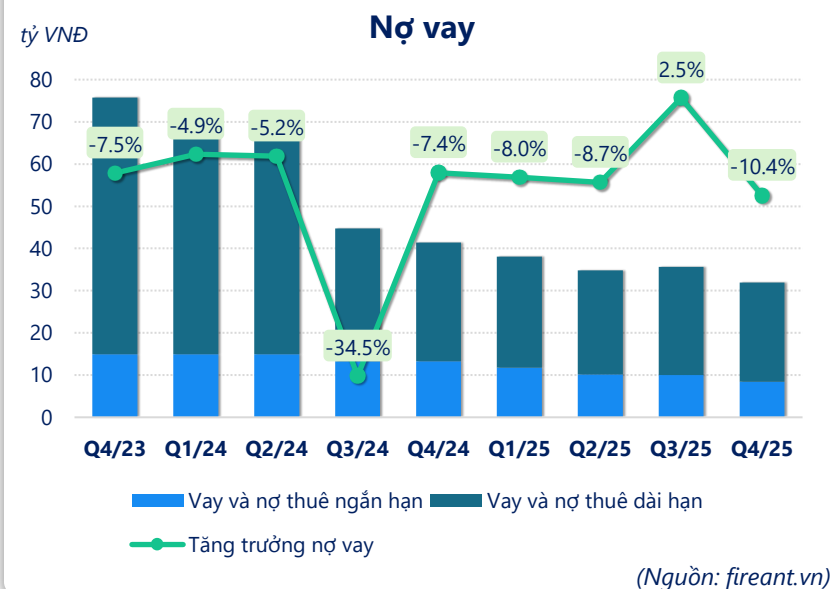
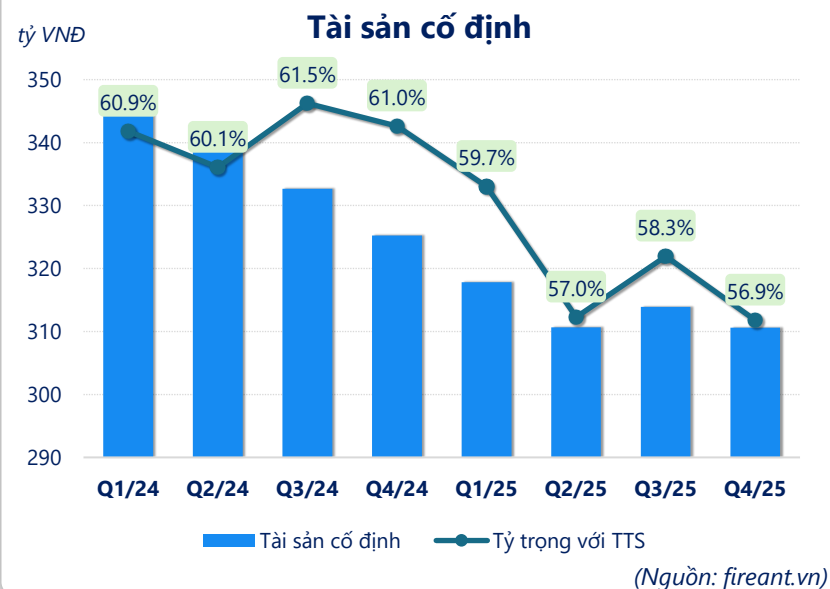
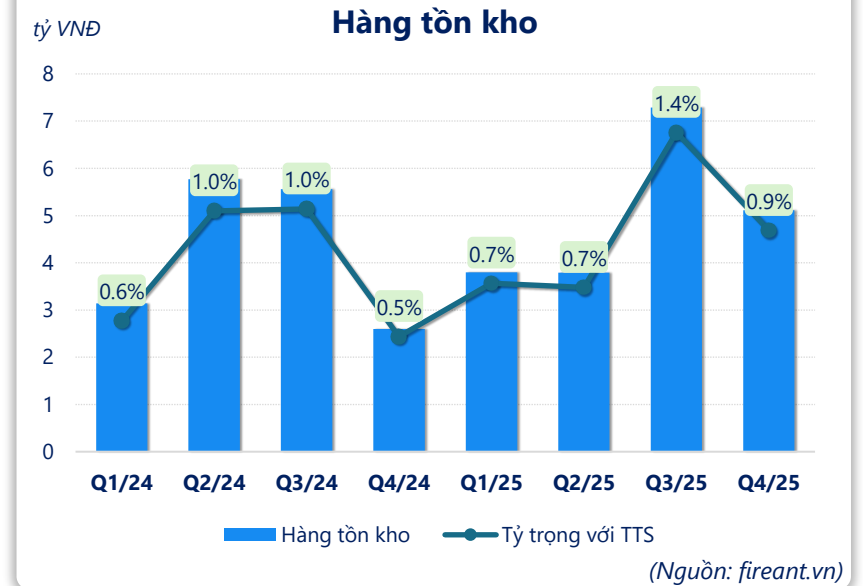
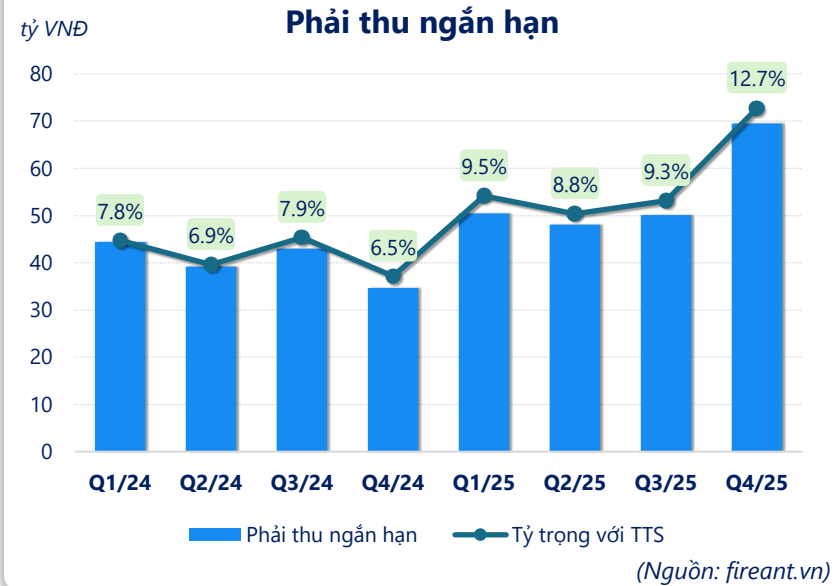
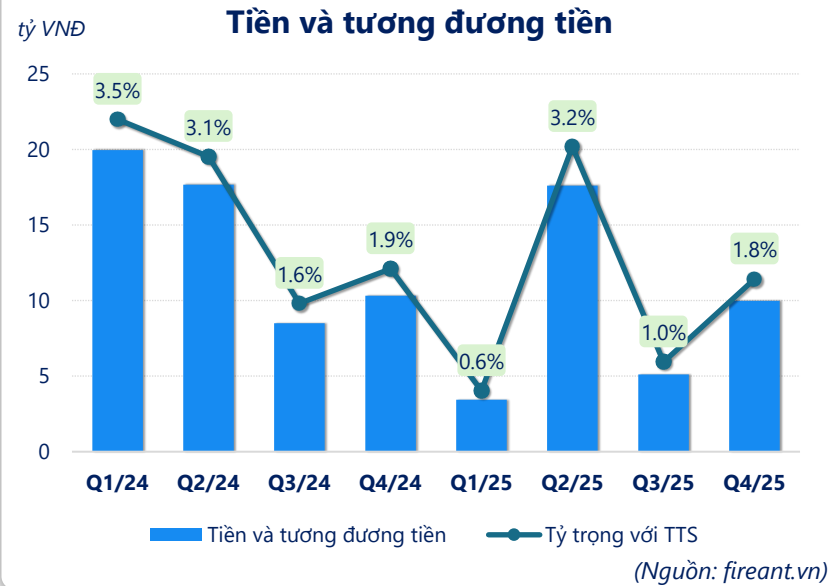
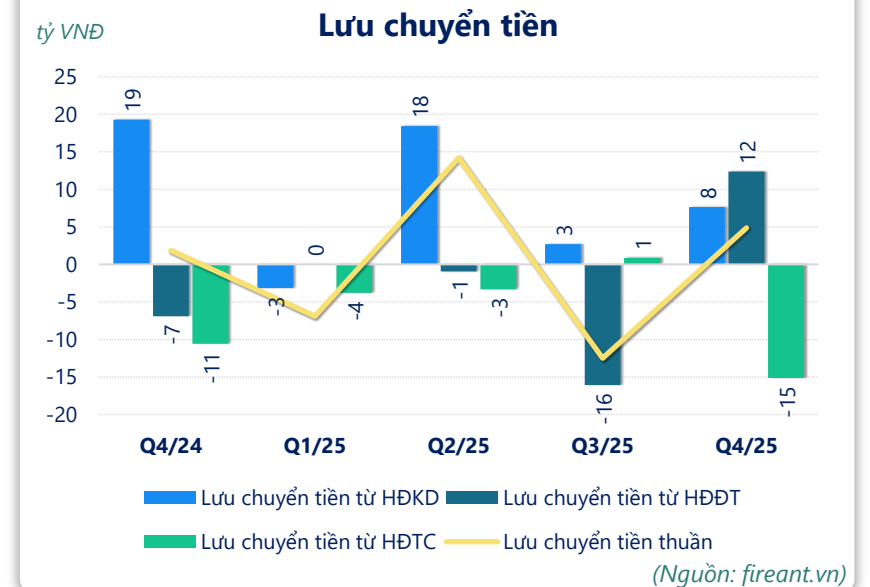
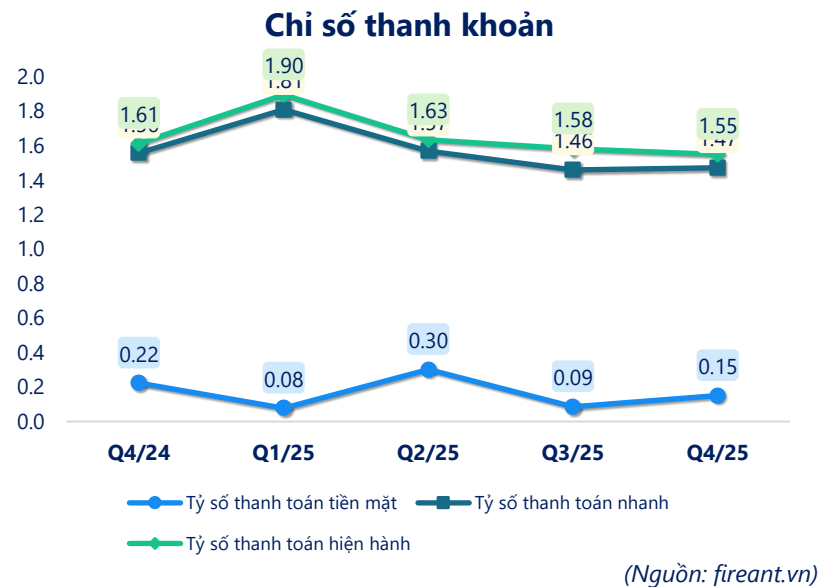
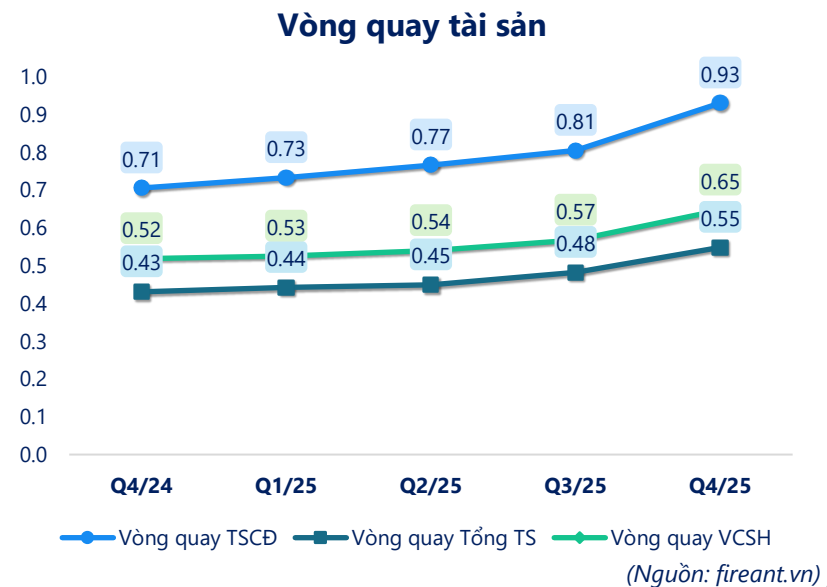
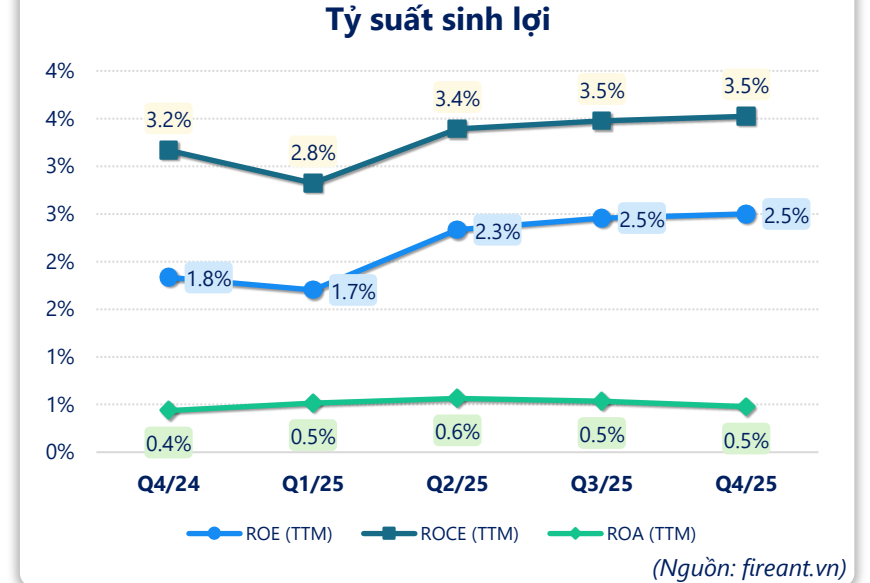
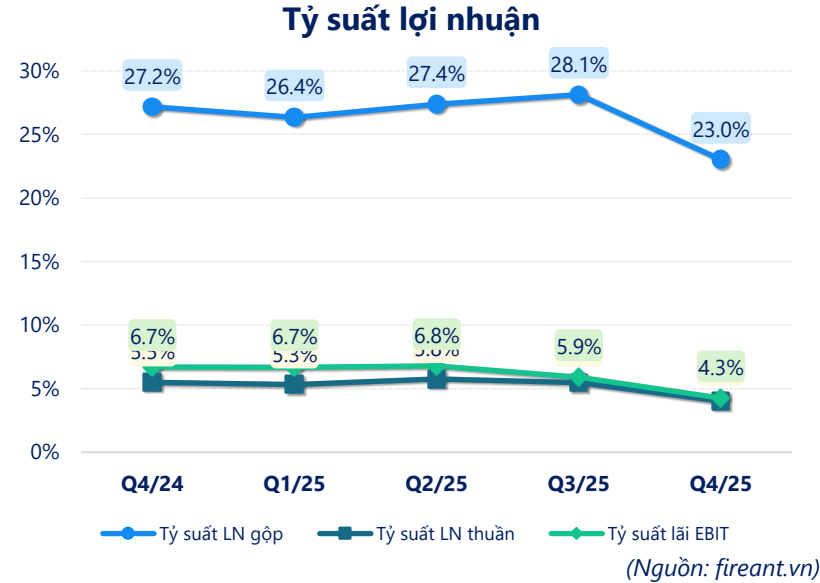
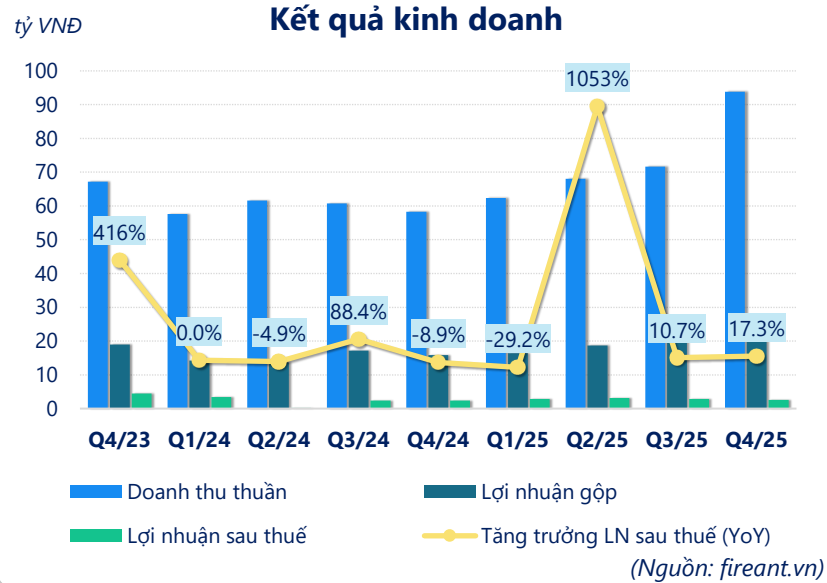


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,499
SL cổ phiếu LH		40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,755
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		692
P/E		60.6
EPS		286

	YTD	1T	3T	6T
PSP	34.4%	-13.5%	-13.5%	13.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	546	533	2.4%
Tài sản ngắn hạn	103	74.8	37.6%
Tiền và tương đương tiền	9.98	10.3	-3.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.0	21.0	-38.1%
Phải thu ngắn hạn	69.5	34.7	100%
Hàng tồn kho	5.11	2.60	96.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.42	6.22	-12.9%
Tài sản dài hạn	443	458	-3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	311	325	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.11	0.21	-48.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	14.2	-8.6%
Tài sản dài hạn khác	119	119	0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	90.0	74.6	20.7%
Nợ ngắn hạn	66.5	46.5	43.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.44	13.3	-36.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.2	17.3	28.7%
Nợ dài hạn	23.5	28.1	-16.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.5	28.1	-16.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	456	458	-0.6%
Vốn chủ sở hữu	456	458	-0.6%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	58.3	62.3	68.0	71.6	93.8
Giá vốn hàng bán	42.4	45.9	49.4	51.5	72.2
Lợi nhuận gộp	15.8	16.4	18.6	20.1	21.6
Doanh thu HĐTC	0.32	0.29	0.26	0.27	0.30
Chi phí TC	0.94	1.31	1.10	1.01	0.66
Chi phí lãi vay	0.85	0.77	0.71	0.71	0.66
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.62	7.66	8.70	9.31	9.89
Chi phí QLDN	4.39	4.42	5.17	6.17	7.58
LN thuần từ HĐKD	3.20	3.32	3.92	3.92	3.77
Lợi nhuận khác	-0.14	0.08	-0.02	-0.40	-0.43
LN trước thuế	3.06	3.41	3.91	3.52	3.34
Lợi nhuận sau thuế	2.41	2.83	3.13	2.89	2.58
LNST của CĐ cty mẹ	2.41	2.83	3.13	2.89	2.58

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.3	-3.16	18.4	2.71	7.65
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.90	0.06	-0.93	-16.1	12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.6	-3.80	-3.33	0.87	-15.1
Tiền đầu kỳ	8.49	10.3	3.43	17.6	5.12
Lưu chuyển tiền thuần	1.84	-6.89	14.2	-12.5	4.86
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	10.3	3.43	17.6	5.12	9.98

(Nguồn: fireant.vn)